

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHÚ TÂN  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2019/DS-ST

Ngày 31 - 5 - 2019

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Đồi.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Hồng Ân.

Ông Mạc Hoàng Nhũ.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Châu Sơn Ca là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 31 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 29/2019/TLST - DS ngày 28 tháng 02 năm 2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2019/QĐXXST-DS, ngày 04 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn Ph, sinh năm 1962 (Chủ đại lý thuốc, thức ăn thủy sản P).

*Đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn Ph:* Bà Nguyễn Cẩm Nh, sinh năm 1990 (văn bản ủy quyền ngày 24/01/2019).

Cùng địa chỉ: Khóm A, thị trấn C, huyện P, tỉnh Cà Mau.

*Bị đơn:* Ông Phạm Văn Đ, sinh năm 1954.

Địa chỉ: Ấp T, thị trấn C, huyện P, tỉnh Cà Mau.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Tại đơn khởi kiện ngày 26/02/2019, các văn bản kèm theo và tại phiên tòa, đại diện cho ông Nguyễn Văn Ph, bà Nguyễn Cẩm Nh trình bày:*

Ông Phạm Văn Đ là khách hàng của đại lý do ông P làm chủ đại lý thuốc thức ăn thủy sản. Đại lý đã đầu tư cho ông Phạm Văn Đ từ đầu năm 2014 đến ngày 24/7/2015 thì chốt lại việc thanh lý, ông Đ còn nợ ông P số tiền mua bán thuốc, thức ăn thủy sản là 87.171.000 đồng. Đến ngày 13/12/2018, ông Đ đã trả được 9.000.000 đồng và đến ngày 29/01/2019 ông Đ trả thêm 7.000.000 đồng. Đối trừ, hiện tại ông Đ còn nợ ông P số tiền 71.171.000 đồng. Nay ông P yêu

cầu Tòa án giải quyết buộc ông Đ trả số tiền mua bán còn nợ là 71.171.000 đồng.

*Tại biên bản hòa giải lập ngày 03/5/2019, ông Phạm Văn Đ trình bày:*

Ông thừa nhận ông có thực hiện hợp đồng mua bán thức ăn thủy sản với ông Nguyễn Văn Ph. Thời gian thực hiện hợp đồng cũng như giao dịch mua bán và thanh lý đúng như ông P đã khai. Hiện tại ông còn nợ ông P số tiền mua bán thức ăn là 71.171.000 đồng. Ông P yêu cầu ông trả cho ông P số tiền 71.171.000 đồng, ông đồng ý. Nhưng vì hoàn cảnh kinh tế đang gặp khó khăn nên ông không thể trả ngay cho ông P toàn bộ số tiền trên được.

Phía ông Đ đã thừa nhận lượng nợ như trên. Sau khi nghe Tòa án giải thích và hòa giải phần án phí theo quy định pháp luật. Đồng thời căn cứ vào lời khai của ông Đ thì năm nay ông Đ 65 tuổi là thuộc diện người cao tuổi, căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 12; khoản 2 Điều 14 và khoản 2 Điều 15 của Nghị quyết 326 của UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án thì phía ông Đ sẽ được miễn nộp án phí, nhưng ông Đ phải cung cấp giấy chứng minh nhân dân và làm đơn yêu cầu xét miễn, nhưng ông Đ không chấp nhận thực hiện các thủ tục nêu trên, ông Đ cũng không đồng ý ký tên xác nhận lời trình bày vào biên bản hòa giải và tự ý bỏ phiên hòa giải ra về.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

“*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo lãnh thổ được quy định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Phạm Văn Đ được Tòa án triệu tập tham gia tố tụng nhiều lần, nhưng vắng mặt không có lý do. Nay căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Phạm Văn Đ.

[2] *Về nội dung tranh chấp:*

Căn cứ vào bản xác nhận công nợ lập ngày 29/01/2019 giữa ông P và ông Đ; căn cứ vào lời thừa nhận nợ của ông Đ tại biên bản hòa giải lập ngày 03/5/2019, nay có đủ căn cứ kết luận: ông Đ còn nợ ông P số tiền 71.171.000 đồng. Nay xét buộc ông Đ phải trả đủ số tiền 71.171.000 đồng cho ông P là có căn cứ. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông P được chấp nhận toàn bộ. Trên căn cứ buộc ông Đ trả toàn bộ nợ cho ông P, thì ông Đ phải chịu án phí. Tuy nhiên, ông Đ thuộc diện người cao tuổi, căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 12; khoản 2 Điều 14 và khoản 2 Điều 15 của nghị quyết 326 của UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án thì phía ông Đ sẽ được miễn nộp án phí, nhưng phía ông Đ phải cung cấp giấy chứng minh nhân dân và phải làm đơn yêu cầu xét miễn, nhưng ông Đ không chấp nhận thực hiện thủ tục nêu trên, nên Tòa án không có căn cứ để xét miễn án phí cho ông Đ, nay xét buộc ông Đ phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các Điều 430 và 440 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ các Điều 26; Điều 35; Điều 39 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Nguyễn Văn Ph, buộc ông Phạm Văn Đ phải trả cho ông Nguyễn Văn Ph số tiền nợ là 71.171.000 đồng (bảy mươi một triệu, một trăm bảy một nghìn đồng).

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.*

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Buộc ông Phạm Văn Đ phải chịu 3.558.550 đồng (Ba triệu năm trăm năm mươi tám nghìn năm trăm năm mươi đồng).

Ông Nguyễn Văn Ph đã nộp tạm ứng số tiền 1.779.000 đồng (một triệu bảy trăm bảy mươi chín nghìn đồng), tại biên lai thu tiền số 0019024 ngày 27/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, nay hoàn lại toàn bộ cho ông Nguyễn Văn Ph.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.*

Ông Nguyễn Văn Ph có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án. Ông Phạm Văn Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tổng đạt bản án hợp lệ.

#### **Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS (khi có hiệu lực);
- Phòng KTNV&THA (TAND tỉnh Cà Mau);
- Lưu hồ sơ vụ án; Lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Ngọc Đồi**

